

Biểu số:

2112.N/VH-SVHTTDL

Ban hành theo Thông tư số
16/2022/TT-BVHTTDL ngày
22 tháng 12 năm 2022

**SỐ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
DỊCH VỤ KARAOKE, VŨ TRƯỜNG**

Năm ...

Đơn vị báo cáo:
Sở VHTTDL, Sở VHTT

Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn hóa cơ sở

Ngày nhận báo cáo: 20 tháng
02 năm sau

Hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke						Hoạt động kinh doanh dịch vụ vũ trường					
Cơ sở kinh doanh			Xử lý vi phạm			Cơ sở kinh doanh			Xử lý vi phạm		
Số cơ sở kinh doanh hiện có	Số giấy phép cấp năm ...	Số giấy phép điều chỉnh cấp năm ...	Số lượt kiểm tra	Số xử lý vi phạm hành chính	Số thu hồi giấy phép	Số cơ sở kinh doanh hiện có	Số giấy phép cấp năm ...	Số giấy phép điều chỉnh cấp năm ...	Số lượt kiểm tra	Số xử lý vi phạm hành chính	Số thu hồi giấy phép
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ
(Kèm theo Thông tư số: 16/2022/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số 2112.N/VH-SVHTTDL: Số hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Dịch vụ karaoke là dịch vụ cung cấp âm thanh, ánh sáng, nhạc, lời bài hát và hình ảnh thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) phục vụ cho hoạt động ca hát tại các cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định của pháp luật.

- Dịch vụ vũ trường là dịch vụ cung cấp sàn nhảy, sân khấu, âm thanh, ánh sáng phục vụ cho hoạt động khiêu vũ, ca hát hoặc chương trình nghệ thuật tại các cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường theo quy định pháp luật.

2. Cách ghi biểu

a) Phạm vi thu thập số liệu: Thống kê hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke và hoạt động kinh doanh dịch vụ vũ trường trong năm báo cáo.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Tính từ 01/01 đến thời điểm 31/12 năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu:

- Các cột:

Từ cột 01 đến cột 06: Ghi số hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke. Trong đó:

Từ cột 01 đến cột 03: Ghi số cơ sở kinh doanh chia theo số cơ sở hiện có; số giấy phép cấp năm; số giấy phép điều chỉnh cấp năm.

Từ cột 04 đến cột 06: Ghi số xử lý vi phạm bao gồm số lượt kiểm tra, xử lý hành chính, thu hồi giấy phép.

Từ cột 07 đến cột 12: Ghi số hoạt động kinh doanh dịch vụ vũ trường. Trong đó:

Từ cột 07 đến cột 09: Ghi số cơ sở kinh doanh chia theo số cơ sở hiện có; số giấy phép cấp năm; số giấy phép điều chỉnh cấp năm.

Từ cột 10 đến cột 12: Ghi số xử lý vi phạm bao gồm số lượt kiểm tra, xử lý hành chính, thu hồi giấy phép.

3. Nguồn số liệu: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao.